

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2020/HSST**  
Ngày : 13/11/2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bạch Văn Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cử & Ông Nguyễn Thái Bình.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện VKSND huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên Tòa:*** Ông Hoàng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 02/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 09/10/2020, đối với:

- ***Bị cáo: Đặng D*** (tên gọi khác: Sur Cọ), sinh năm 1988 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: 02/12C Lương Văn Ch, Tổ 35, khu phố 5, Phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đ, sinh năm 1950 và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1953; vợ Nguyễn Thị Hàng Ng, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có một con sinh năm 2014; tiền án: có 03 tiền án: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân thành phố T phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố T phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Ngày 28/4/2017 bị Công an Phường 4, thành phố T xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi đánh nhau (chưa chấp hành); nhân thân: Năm 2004 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” và “Cướp tài sản”; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ trong vụ án khác; bị cáo được trích xuất; có mặt.

- ***Bị hại:*** Huỳnh Thanh B, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

+ Võ Xuân Ph, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 324 Bà Triệu, Phường 7, thành

phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Đặng Đ, sinh năm 1950, Phan Thị Đ, sinh năm 1953; nơi cư trú: 02/12C Lương Văn Ch, Tổ 35, khu phố 5, Phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên; (ông Đ vắng mặt, bà Đ có mặt).

+ Nguyễn Hữu H, sinh năm 1992.

+ Trần Ngọc V, sinh năm 1996.

Đồng trú: thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; đều có mặt.

- *Người làm chứng*: Huỳnh Như T, sinh năm 1989; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 03/3/2020, Đặng D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90 (xe của bị cáo mua lại nhưng chưa sang tên) đi từ thành phố T đến huyện S mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến Sơn Hòa, Dừng đi vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam chi nhánh huyện S thấy Huỳnh Thanh B đang nhận 28.800.000đ từ quầy giao dịch của Ngân hàng. Sau khi nhận tiền B mang ra cất vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 78L1-002.55 rồi B điều khiển xe đến cửa hàng điện thoại Như Toàn thuộc khu phố T, thị trấn C, huyện S để mua điện thoại. D chạy xe theo và thấy B dựng xe ở ngoài cửa hàng, D đã lén lút dùng tay cạy cốp xe mô tô 78L1-002.55 của B lấy 28.800.000đ để tiêu xài cá nhân.

Vật chứng: Tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90 và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Hữu H.

Dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường đủ số tiền 28.800.000đ.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-SH ngày 29/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên đã truy tố Đặng D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

#### **Tại phiên tòa:**

Bị cáo Đặng D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố và khẳng định không bị oan, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Huỳnh Thanh B đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường đủ số tiền 28.800.000đ, đã nhận số tiền 3.000.000đ do bị cáo cùng gia đình tự nguyện khắc phục và xin nhận lại số tiền 3.000.000đ gia đình bị cáo đã nộp khắc phục trước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Xuân Ph có đề nghị xét xử vắng mặt nhưng giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo trả lại số tiền 28.600.000đ (xuất phát từ việc bị cáo thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Hữu H và Trần Ngọc

V không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phan Thị Đ tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 3.000.000đ (đã giao nhận xong) và không yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên tòa sau khi phân tích mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D mức án tù từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo do không có thu nhập ổn định.

+ Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 22.800.000đ; Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Xuân Ph số tiền 28.600.000đ; Trả cho bị hại số tiền 3.000.000đ của gia đình bị cáo đã nộp khắc phục trước.

+ Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90 và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Hữu H để đảm bảo thi hành án;

+ Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất theo luận tội và không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Bị cáo Đặng D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 03/3/2020, tại tiệm điện thoại Như Toàn thuộc khu phố T, thị trấn C, huyện S, Đặng D đã lén lút cạy cốp xe mô tô 78L1-

002.55 của Huỳnh Thanh B lấy trộm số tiền 28.800.000đ. Tại bản án hình sự số 47/2018/HS-ST ngày 14-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã xác định bị cáo D phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp tái phạm, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản riêng của bị hại trái pháp luật mà còn gây mất an ninh, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có 03 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản, 01 tiền sự về hành vi đánh nhau và nhân thân xấu. Nên cần xử bị cáo mức án nghiêm cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe và trừng trị riêng đối với bị cáo và ngăn ngừa chung đối với xã hội.

[4] Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền 6.000.000đ cho bị hại, bị cáo có ông nội, bà ngoại và cậu được Nhà nước tặng Bằng tổ quốc ghi công, Huân chương chiến thắng hạng ba. Nên, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương xứng.

[5] Dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự:

[5.1] Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 22.800.000đ.

[5.2] Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã mang xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90 thế chấp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Xuân Ph để lấy 28.600.000đ. Quá trình điều tra Ph đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S để phục vụ điều tra. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện trả số tiền này cho Võ Xuân Ph, xét sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.2] Trả cho bị hại số tiền 3.000.000đ của gia đình bị cáo đã nộp khắc phục.

[6] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90 và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Hữu H để đảm bảo thi hành án.

[7] Phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.570.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Đặng D (tên gọi khác: Sư Cọ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Phạt bị cáo **Đặng D 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự, tuyên:

2.1. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Huỳnh Thành B số tiền 22.800.000đ.

2.2. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Xuân Ph số tiền 28.600.000đ.

2.3. Trả cho bị hại số tiền 3.000.000đ theo biên lai thu số 0001064 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: Tiếp tục tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 473.90 và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Hữu H của bị cáo để đảm bảo thi hành án (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2020 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên*).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Đặng D phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.570.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (01);
- VKSND tỉnh Phú Yên (01);
- CQTHAHS huyện S (01);
- CQCSĐT huyện S (01)
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- THADS huyện S (01);
- Lưu án văn, HSVA.

**Bạch Văn Trinh**